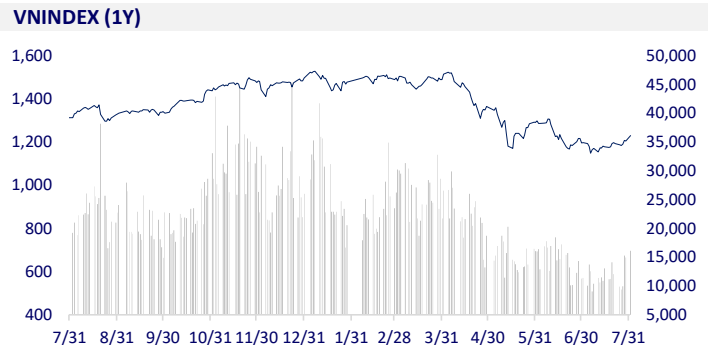
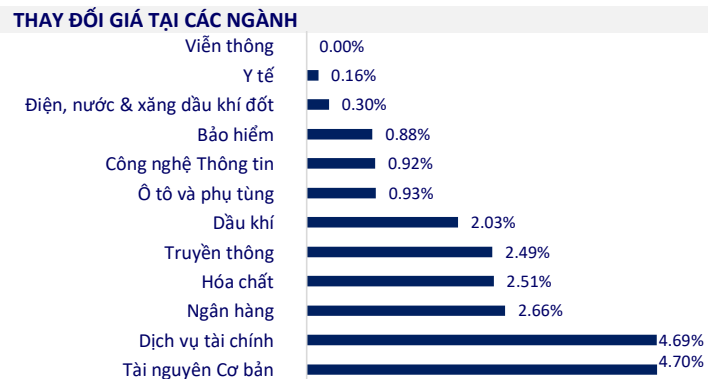


TTCK VIỆT NAM	1D	YTD
VN-INDEX	1,231.35 2.07%	-17.82%
VN30	1,256.25 1.97%	-18.20%
HNX	294.62 2.08%	-37.84%
UPCOM	89.91 0.33%	-20.21%
GT mua ròng NĐTNN (tỷ)	651.24	
Tổng GTGD (tỷ)	18,801.26 10.26%	-39.49%

Kết thúc phiên giao dịch ngày 1/8, khối ngoại giao dịch tích cực khi mua vào 55,5 triệu cổ phiếu, trị giá 1.529 tỷ VNĐ, trong khi bán ra 32 triệu cổ phiếu, trị giá 878 tỷ VNĐ. Tổng khối lượng mua ròng đạt 23,5 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị mua ròng là 651 tỷ VNĐ. Khối ngoại sàn HoSE mua ròng mạnh nhất mã SSI với 114 tỷ VNĐ. STB và HPG được mua ròng lần lượt 105 tỷ VNĐ và 76 tỷ VNĐ.



ETF & PHÁI SINH	1D	YTD
E1VFN30	21,100 0.72%	-18.31%
FUEMAV30	14,790 1.51%	-18.24%
FUESSV30	15,100 -15.22%	-20.53%
FUESSV50	17,990 2.92%	-21.44%
FUESSVFL	17,350 2.97%	-22.82%
FUEVFVND	26,350 -0.19%	-6.06%
FUEVN100	15,900 0.06%	-25.98%
VN30F2303	1,238.90 0.89%	
VN30F2212	1,239.20 0.83%	
VN30F2209	1,240.10 0.83%	
VN30F2208	1,244.40 1.11%	



THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI	1D	YTD
Nikkei	27,993.35 0.53%	-2.77%
Shanghai	3,259.96 0.21%	-10.44%
Kospi	2,452.25 0.03%	-17.64%
Hang Seng	20,165.84 0.05%	-13.81%
STI (Singapore)	3,238.75 0.85%	3.68%
SET (Thái Lan)	1,593.24 1.07%	-3.88%
Dầu thô (\$/thùng)	96.83 -0.63%	26.58%
Vàng (\$/ounce)	1,789.25 0.47%	-1.73%

Chứng khoán châu Á đồng loạt tăng điểm trong phiên giao dịch đầu tiên của tháng 8. Tại Nhật Bản, chỉ số Nikkei 225 tăng 0,53% lên 27.993,35 điểm, chỉ số Kospi (Hàn Quốc) tăng 0,03% lên 2.452,25 điểm. Tại Hong Kong, chỉ số Hang Seng hồi phục trong phiên giao dịch buổi chiều, tăng 0,05% lên 20.165,84 điểm. Chỉ số Shanghai Composite tăng 0,21% lên 3.259,96 điểm.

KINH TẾ VĨ MÔ	1D (bps)	YTD (bps)
Lãi suất liên NH	4.19% -49	338
Lãi suất tiết kiệm 12T	5.60% 0	0
TPCP - 5 năm	3.13% 8	212
TPCP - 10 năm	3.62% 5	162
USD/VND	23,499 0.10%	2.44%
EUR/VND	24,703 0.39%	-6.67%
CNY/VND	3,529 -0.03%	-3.53%

Theo dự báo mới nhất của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Việt Nam đứng thứ 6 về quy mô GDP trong số các quốc gia thuộc nhóm ASEAN với quy mô GDP khoảng 408,95 tỷ USD vào năm 2022, trong khi Indonesia và Thái Lan lần lượt dẫn đầu khu vực ở mức GDP là 1.290 tỷ VNĐ và 522 tỷ VNĐ.

LỊCH SỰ KIỆN

Mã	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Loại	Tỉ lệ	Giá trị
PJT	8/1/2022	8/2/2022	8/12/2022	Tiền mặt		800
CMN	8/1/2022	8/2/2022	8/12/2022	Tiền mặt		1,700
VTD	8/2/2022	8/3/2022		Cổ phiếu	1:1	
LHC	8/2/2022	7/4/2022		Cổ phiếu	1:1	
BTT	8/3/2022	8/4/2022	8/15/2022	Tiền mặt		700
VC3	8/3/2022	8/4/2022		Cổ phiếu	2:1	10,000
L10	8/4/2022	8/5/2022	8/25/2022	Tiền mặt		1,000
AAV	8/4/2022	8/5/2022		Cổ phiếu	1000:35	

TIN TỨC CHỌN LỌC

Quảng Ninh: Quý 3/2022 Cao tốc Vân Đồn – Móng cái mới đưa vào khai thác

PMI tháng 7 đạt trên 51 điểm, sản xuất được mở rộng tháng thứ 10 liên tiếp

Thủ tướng: Khẩn trương tìm phương án xử lý Dự án Gang thép Thái Nguyên

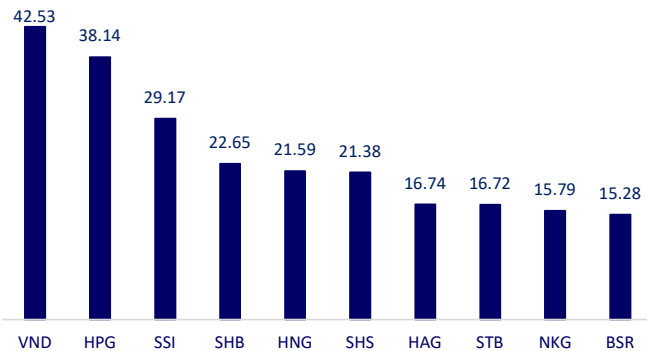
Các ngân hàng Trung Quốc có thể đối mặt với khoản lỗ 356 tỷ USD do khủng hoảng bất động sản

Nga tuyên bố sẽ đáp trả đối xứng việc Thụy Điển và Phần Lan gia nhập NATO

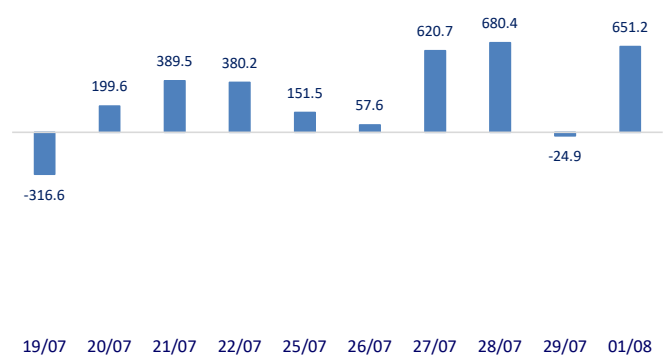
Giá dầu quay đầu giảm trước thêm OPEC+ họp

	Đóng cửa	1D	5D	KL mua	KL bán	Nội dung
VCB	77,000	3.08%	5.62%	2,523,100	2,695,300	VIB: Kết thúc 6 tháng đầu năm, VIB ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt hơn 5.000 tỷ VNĐ, tăng 27% so với cùng kỳ. Tổng thu nhập hoạt động đạt hơn 8.700 tỷ VNĐ, trong đó thu nhập lãi thuần đạt 7.200 tỷ VNĐ, tăng 26% so với cùng kỳ. Nguồn thu nhập ngoài lãi đạt hơn 1.500 tỷ, đóng góp hơn 18% vào tổng thu nhập hoạt động... Tính đến hết quý 2/2022, VIB nằm trong top đầu về thị phần cho vay ô tô và bảo hiểm nhân thọ trên toàn quốc. Bên cạnh đó, VIB tiếp tục được đánh giá là một trong những ngân hàng có tốc độ tăng trưởng thẻ tín dụng nhanh nhất và chi tiêu trên thẻ cao nhất.
BID	39,000	4.56%	10.17%	5,433,000	5,471,400	
CTG	28,700	5.51%	7.89%	15,053,600	15,442,900	
TCB	38,600	1.85%	4.89%	11,684,700	11,748,700	
VPB	29,100	1.39%	5.24%	20,516,500	22,029,700	
MBB	26,500	3.31%	4.95%	20,814,400	18,706,600	
HDB	24,700	2.28%	4.66%	6,054,200	4,030,800	
TPB	27,250	2.44%	-0.55%	3,624,800	3,376,100	
STB	25,200	2.02%	10.28%	31,011,600	30,754,300	
VIB	26,650	0.19%	3.50%	4,520,800	3,218,200	
ACB	25,000	1.63%	3.95%	7,261,400	6,984,000	
NVL	74,700	0.27%	1.36%	3,157,500	3,602,800	NVL: Kết thúc quý 2/2022, Novaland ghi nhận hơn 4,628 tỷ VNĐ tổng doanh thu hợp nhất và gần 1,818 tỷ VNĐ lợi nhuận sau thuế hợp nhất cho 6 tháng đầu năm.
KDH	38,500	2.67%	6.06%	1,679,900	1,154,300	
PDR	53,600	1.90%	2.29%	2,287,800	1,934,300	PLX: lợi nhuận sau thuế của PLX âm 141 tỷ VNĐ, trong khi cùng kỳ năm trước PLX lãi 1.594 tỷ VNĐ. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) giảm về mức -232 VNĐ so với 1.078 VNĐ của quý 2 năm 2021.
GAS	107,900	0.37%	3.06%	699,600	1,104,400	
POW	13,500	1.12%	2.66%	26,511,300	24,768,800	
PLX	41,800	1.70%	1.70%	2,173,000	1,889,300	VRE: Lũy kế 6 tháng đầu năm, công ty ghi nhận 3.218 tỷ VNĐ doanh thu, giảm 14% so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên lợi nhuận sau thuế vẫn giữ ở mức 1.150 tỷ VNĐ.
VIC	64,700	1.09%	-3.86%	2,036,700	2,078,500	
VHM	60,000	0.17%	1.87%	3,044,900	3,373,900	VNM: Lũy kế 6 tháng đầu năm, tổng doanh thu hợp nhất của công ty đạt 28.900 tỷ VNĐ và lợi nhuận sau thuế là 4.386 tỷ VNĐ, hoàn thành gần một nửa kế hoạch cả năm.
VRE	29,000	3.57%	10.27%	3,591,000	4,166,500	
VNM	73,500	0.96%	0.82%	3,994,000	3,592,500	BVH: Tổng doanh thu hợp nhất 6 tháng đầu năm đạt 26.676 tỷ VNĐ, tăng trưởng 8% so với cùng kỳ năm 2021. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 828 tỷ VNĐ. Tổng tài sản hợp nhất tại 30/06/2022 vượt mốc 8 tỷ USD, đạt 193.291 tỷ VNĐ, tăng 14% so với thời điểm 31/12/2021. Đáng chú ý, Bảo Việt lên kế hoạch sẽ chia cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt với tỷ lệ 30,261% với tổng số tiền hơn 2,246 tỷ VNĐ trong năm 2022.
MSN	109,400	3.11%	0.74%	1,156,400	1,279,400	
SAB	183,000	1.67%	10.91%	319,700	474,100	FPT: Tổng tài sản hợp nhất tại 30/06/2022 vượt mốc 8 tỷ USD, đạt 193.291 tỷ VNĐ, tăng 14% so với thời điểm 31/12/2021. Đáng chú ý, Bảo Việt lên kế hoạch sẽ chia cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt với tỷ lệ 30,261% với tổng số tiền hơn 2,246 tỷ VNĐ trong năm 2022.
BVH	127,100	1.11%	1.03%	585,600	531,700	
VJC	127,100	1.11%	1.03%	585,600	531,700	MWG: Tổng tài sản hợp nhất tại 30/06/2022 vượt mốc 8 tỷ USD, đạt 193.291 tỷ VNĐ, tăng 14% so với thời điểm 31/12/2021. Đáng chú ý, Bảo Việt lên kế hoạch sẽ chia cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt với tỷ lệ 30,261% với tổng số tiền hơn 2,246 tỷ VNĐ trong năm 2022.
FPT	84,000	0.60%	-1.64%	3,207,500	3,028,000	
MWG	61,300	0.49%	-3.16%	6,088,300	5,195,700	SSI: Tổng tài sản hợp nhất tại 30/06/2022 vượt mốc 8 tỷ USD, đạt 193.291 tỷ VNĐ, tăng 14% so với thời điểm 31/12/2021. Đáng chú ý, Bảo Việt lên kế hoạch sẽ chia cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt với tỷ lệ 30,261% với tổng số tiền hơn 2,246 tỷ VNĐ trong năm 2022.
GVR	24,700	3.35%	8.33%	5,132,800	4,776,300	
SSI	22,800	6.79%	11.49%	72,747,700	40,679,700	HNG: Tổng tài sản hợp nhất tại 30/06/2022 vượt mốc 8 tỷ USD, đạt 193.291 tỷ VNĐ, tăng 14% so với thời điểm 31/12/2021. Đáng chú ý, Bảo Việt lên kế hoạch sẽ chia cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt với tỷ lệ 30,261% với tổng số tiền hơn 2,246 tỷ VNĐ trong năm 2022.
HPG	22,800	6.05%	4.11%	77,540,200	58,523,600	

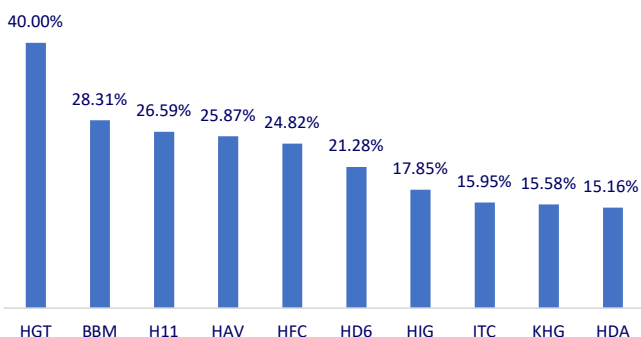
Top CP giao dịch nhiều nhất (khối lượng CP - triệu)



Dòng tiền NĐTNN 10 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top tăng 3 phiên liên tiếp



Top giảm 3 phiên liên tiếp

